

Bản án số: 23/2024/HS-ST
Ngày 22-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trương Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Sùng A Dinh và ông Giàng A Gông

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lò Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** ông Lò Văn Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2023/TLST-HS ngày 24/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HS ngày 05/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/HSST-QĐ ngày 17/01/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Giàng A T** - Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 25/02/1987 tại huyện T, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: thôn C, xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: đạo Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Giàng A S- sinh năm 1957 (Đã chết) và bà Sùng Thị M- sinh năm 1959; Vợ là Sùng Thị P- Sinh năm 1990; bị cáo có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị kết án.

Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/10/2023 đến nay. Bị cáo có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* bà Hà Thị Thuận- là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên. Người đại diện theo pháp luật: ông Thào A C - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên. Người đại diện theo ủy quyền: ông Ly A D - sinh năm 1988; Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ ông Chang A S- sinh năm 1956; Trú tại: thôn L, xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

+ anh Chang A D- sinh năm 1988; Trú tại: thôn L, xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

+ Trưởng thôn L, xã S: anh Giàng A Sang- sinh năm 1979; Trú tại: thôn L, xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- *Người phiên dịch*: ông Giàng A D- sinh năm 1985, trú tại: tổ dân phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 01 năm 2022 bị cáo Giàng A T nhận chuyển nhượng 01 mảnh đất nương của ông Chang A S và anh Chang A D (anh D là con trai và ở chung cùng ông S), hai bên có làm giấy tờ chuyển nhượng viết tay, mảnh đất là đất nương cũ của ông S đã bỏ hoang lâu năm, không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại khu vực thuộc thôn L, xã S, huyện T, các bên thỏa thuận giá chuyển nhượng là 145.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng anh D có trực tiếp đi chỉ ranh giới thửa đất cho bị cáo.

Ngày 18/03/2023 một mình bị cáo đem theo một con dao quắm (loại dao phát nương) và 01 cái búa rìu đi phát mảnh nương để trồng ngô. Khi đến nơi bị cáo dùng dao chặt phát những cây nhỏ, dùng búa rìu chặt hạ những cây vừa, còn những cây to có thể lấy được gỗ thì bị cáo để lại không chặt, bị cáo chặt phát trong thời gian 08 ngày thì xong.

Tại biên bản kiểm tra hiện trường và biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 17/4/2023 do Hạt kiểm lâm huyện phối hợp với các cơ quan liên quan đã xác định: diện tích rừng bị phá là 6.300m², số cây bị chặt hạ là 300 cây gồm các nhóm gỗ IV, V, VII, VIII, có đường kính trung bình 8,89cm, chiều dài trung bình 6,26m, khối lượng gỗ thiệt hại là 2,854m³, củi tận thu là 2,560 ster; Số cây còn lại chưa bị chặt hạ trên diện tích đám rừng là 126 cây, có trữ lượng 7,765m³; Các thảm thực vật, cây cỏ nhỏ trong khu vực chặt phá vẫn còn mọc xanh.

Xem xét vị trí, sử dụng máy định vị GPS xác định tọa độ tâm đám rừng bị phá (VN 2000) có tọa độ X:535849-Y:243865; tọa độ các góc là: X:535856-Y:2438625; X:535887-Y:2438615; X:535844-Y:243848; X:535819-Y:2438491; Đối chiếu bản đồ giao đất giao rừng, quyết định giao đất giao rừng, trích lục bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã S, xác định khu vực rừng do bị cáo Giàng A T chặt phá thuộc lô 7, khoảnh 1, tiểu khu 544 đã được quy hoạch vào rừng sản xuất theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Điện Biên, Quyết định số 2810/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của UBND huyện T về giao rừng gắn với giao đất lâm nghiệp giao cho cộng đồng thôn L, xã S, huyện T quản lý, bảo vệ từ năm 2015.

Vật chứng thu giữ gồm: gồm 01 con dao phát (loại dao quắm) có lưỡi dao bằng kim loại dài 35 cm, cán dao làm bằng gỗ dài 55 cm; Đối với 01 chiếc búa rìu bị cáo dùng để chặt cây bị cáo đã làm mất, Cơ quan điều tra tiến hành truy tìm nhưng không xác định được. Đối với số cây gỗ đã bị chặt phá trên đám rừng Cơ quan điều tra đã bàn giao cho UBND xã S quản lý tại rừng.

Tại bản kết luận giám định số 72/KL ngày 13/10/2023 của Giám định viên tư pháp thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên kết luận:

diện tích bị chặt phá là 6.300m², nằm trong tiểu khu tiểu khu 544 khoảnh 1 lô 7 là rừng tự nhiên thứ sinh gỗ núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu TXK), thuộc rừng sản xuất, được giao cho cộng đồng thôn L, xã S quản lý, bảo vệ. Trữ lượng cây gỗ bị thiệt hại do chặt phá là 2,854m³, củi tận thu là 2,560 ster; trữ lượng cây đứng (cây chưa bị chặt hạ) là 7,765m³).

Kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐGTS ngày 23/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá thị trường tại thời điểm tháng 3/2023 của 6.300m² rừng sản xuất tại tiểu khu 544 khoảnh 1 lô 7 là: gỗ tạp nhóm IV,V,VII,VIII có giá trị 2,854m³ x 300.000 đồng = 856.200 đồng; củi tận thu là 2,560 ster x 100.000 đồng = 256.000 đồng; Tổng giá trị thiệt hại về gỗ và củi tận thu là 1.112.200 đồng.

Nguyên đơn dân sự UBND xã S yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho nhà nước theo kết luận định giá tài sản là 1.112.200 đồng.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Giàng A T khai nhận toàn bộ hành vi phá rừng của mình, mục đích bị cáo phá rừng là muốn có đất để trồng ngô, nguồn gốc đất là do bị cáo mua lại của ông Chang A S và anh Chang A D và không biết khu vực chặt phá làm nương đã được quy hoạch rừng sản xuất. Quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền bồi thường 1.112.200 đồng theo yêu cầu của Nguyên đơn dân sự tại cơ quan thi hành án dân sự huyện T để nộp ngân sách nhà nước.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Chang A S và anh Chang A D có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo về việc chuyển nhượng mảnh nương cho bị cáo và 2 người cũng không biết diện tích nương cũ đã được quy hoạch vào rừng sản xuất, sau khi khởi tố vụ án ông S đã trả lại cho bị cáo 70.000.000 đồng, còn 75.000.000 đồng chưa trả xong.

Cáo trạng số 58/CT-VKSHTC ngày 22/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Giàng A T về tội "Hủy hoại rừng" theo điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, các điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Giàng A T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Hủy hoại rừng", áp dụng thời gian thử thách đối với bị cáo từ 02 năm đến 03 năm; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đề nghị công nhận bị cáo đã bồi thường xong số tiền gây thiệt hại về rừng cho nhà nước; Về vật chứng đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 con dao phát thu giữ của bị cáo và đề nghị miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Nguyên đơn dân sự chấp nhận việc bồi thường của bị cáo, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho Bị cáo nhất trí với tội danh và điều luật Viện kiểm sát truy tố và đề nghị HĐXX xem xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho nhà nước theo yêu cầu của

nguyên đơn dân sự, UBND xã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo, ngoài ra việc Bị cáo phạm tội là do kém hiểu biết, do Bị cáo mua đất nương của ông S mà không biết là đã quy hoạch vào đất rừng; đề nghị HĐXX áp dụng cho Bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b,s khoản 1, khoản 2 điều 51 và xem xét áp dụng điều 65 của Bộ luật hình sự cho Bị cáo được hưởng mức thấp nhất trong khung đề nghị của Viện kiểm sát và cho hưởng án treo, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, công nhận Bị cáo đã bồi thường xong thiệt hại và đề nghị miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và xin được hưởng án treo, nguyên đơn dân sự giữ nguyên ý kiến về yêu cầu bồi thường thiệt hại và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến như lời khai tại cơ quan điều tra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Chang A S; Xét thấy người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và sự vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa Bị cáo khai nhận hành vi một mình dùng dao phát và búa rìu để chặt, phát cây rừng trong thời gian 08 ngày, với mục đích để làm nông nghiệp; Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của đại diện nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án như: Biên bản kiểm tra hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng, kết quả xác định khối lượng, nhóm gỗ, kết luận định giá tài sản, kết luận giám định loại rừng, bản đồ quy hoạch rừng, bản đồ giao đất, giao rừng, Quyết định giao đất, giao rừng, danh sách chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng...

Có đủ cơ sở kết luận, vì muốn có đất để làm nương nên Bị cáo đã mua đất nương cũ của ông Chang A S nhưng không biết là đất đã được quy hoạch vào rừng sản xuất. Từ ngày 18/3/2023 đến ngày 25/3/2023 bị cáo Giàng A T đã một mình dùng dao và búa rìu để phá rừng trái phép tại lô 7, khoảnh 1, tiểu khu 544 là khu vực rừng sản xuất đã được giao cho cộng đồng thôn L, xã S quản lý, bảo vệ; Diện tích bị chặt phá là 6.300m², tổng giá trị lâm sản bị thiệt hại theo định giá tài sản là 1.112.200 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã cố ý chặt phá rừng sản xuất với diện tích 6.300m², hành vi phá rừng trái pháp luật của bị cáo đã phạm vào tội "Hủy hoại rừng", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự ("*rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông đến dưới 10.000 mét vuông*").

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo không có tiền án, không có tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn về hành vi phạm tội của mình, nên áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã tự nguyện nộp cho cơ quan Thi hành án dân sự số tiền 1.112.200 đồng để bồi thường toàn bộ thiệt hại cho nhà nước, do đó cần áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự.

Nguyên đơn dân sự UBND xã S có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Ngoài ra, hội đồng xét xử thấy bị cáo phạm tội do thiếu hiểu biết, bị cáo cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chang A S và anh Chang A D cho rằng mảnh nương cũ vẫn thuộc đất nông nghiệp sử dụng làm nương của ông S và không biết diện tích đất trên đã được quy hoạch vào đất rừng sản xuất giao cho cộng đồng thôn quản lý; khi chặt phá bị cáo chỉ chặt những cây nhỏ, cây vừa, còn những cây gỗ tốt vẫn để lại (số cây đứng chưa bị chặt hạ là 126 cây, có trữ lượng 7,765m³ theo kết luận giám định), các thảm thực vật, cây cỏ vẫn còn xanh nên khả năng phục hồi rừng nhanh, thiệt hại không lớn. Do đó cần xem xét khi áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và do kém hiểu biết, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nên thấy không cần thiết phải buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù tại trại giam, mà áp dụng điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và giao cho chính quyền địa phương cùng gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo ý thức chấp hành pháp luật, cũng như tạo điều kiện để bị cáo sửa chữa lỗi lầm. Do đó HĐXX chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa cho Bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Xét thấy điều kiện hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, làm nông nghiệp ruộng nương, điều kiện kinh tế không có, thu nhập không ổn định theo biên bản xác minh của Cơ quan điều tra, bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền, nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 4 Điều 243 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[5] Về bồi thường dân sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Bị cáo đã giao nộp số tiền 1.112.200 đồng cho cơ quan Thi hành án dân sự để bồi thường cho nhà nước theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự, tại phiên tòa nguyên đơn dân sự đồng ý và không có yêu cầu gì thêm, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận bị cáo bồi thường xong thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự.

[6] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 con dao phát đã cũ là công cụ phạm tội, là tài sản không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Đối với 01 chiếc búa rìu bị cáo dùng để chặt phát cây rừng, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không xác định được nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xử lý.

Đối với các cây gỗ tạp bị cáo chặt phá thuộc các nhóm gỗ IV, V, VII, VIII hiện đang giữ nguyên trên diện tích rừng bị chặt phá do UBND xã S đang quản lý, xét các cây gỗ bị chặt chưa có giá trị để sử dụng làm gỗ thương mại nên cần để lại trên rừng cho tự hủy hoại để bồi bổ đất, tái sinh rừng.

[7] Về các vấn đề khác có liên quan:

Đối với ông Chang A S và anh Chang A D là người bán đất nương cho bị cáo, ông S và anh D không biết mảnh nương cũ đã được quy hoạch vào rừng sản xuất và giao cho cộng đồng thôn quản lý, bảo vệ; trong quá trình điều tra mới biết là đám nương thuộc đất rừng, ông S đã trả lại cho bị cáo số tiền 70.000.000 đồng, còn 75.000.000 đồng chưa trả xong. Do đó Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý đối với ông S và anh D là phù hợp.

[8] Về án phí:

Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, nên cần miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự:

1. Tuyên bố: Bị cáo Giàng A T phạm tội "Hủy hoại rừng".

2. Hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; các điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Giàng A T 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/01/2024).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát và giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm d khoản 1 điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và cấm xuất cảnh đối với bị cáo.

3. Về bồi thường dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự:

Công nhận bị cáo Giàng A T đã bồi thường xong toàn bộ số tiền gây thiệt hại cho nhà nước 1.112.200 đồng (*một triệu một trăm mười hai nghìn hai trăm đồng*).

(Số tiền trên cơ quan thi hành án dân sự đang quản lý theo biên lai thu tiền số 0001908 ngày 22/11/2023 của cơ quan Thi hành án dân sự huyện T)

4. Về vật chứng vụ án:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao phát thu giữ của bị cáo.

(Vật chứng trên cơ quan Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện T).

5. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo.

6. Kháng cáo: Áp dụng điều 331, điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án, Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo Bản án về phần bồi thường thiệt hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/01/2024), đối với người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an huyện T (2b)
- Cơ quan THAHS huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư Pháp tỉnh Điện Biên;
- THADS huyện T;
- Bị cáo; NBC; Nguyên đơn dân sự;
Người có QLNVLQ;
- Lưu: HSPA, HSTHA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Anh Tuấn